

Bản án số: 368/2024/DS-PT

Ngày: 20-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc;

Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970, địa chỉ: Số nhà C, đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Thành T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số nhà A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, ông T thỏa thuận kêu gọi ông đầu tư vốn để thuê nhà trọ số 5/45/5, đường N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Phạm Văn Đ để sửa chữa và cho thuê lại.

Khoảng 01 tháng sau, ông T kêu gọi ông đầu tư thêm nhà số B, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để sửa chữa và cho thuê lại. Hai bên thỏa thuận, khi nào sửa chữa xong, đi vào hoạt động thì ông T sẽ hoàn vốn cho ông mỗi tháng, số còn lại chia lãi đều cho ông và ông T, ông T quản lý việc sửa chữa và cho thuê lại.

Ông đã chuyển tiền đầu tư cho ông T bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể như sau:

- Ngày 25/5/2022, chuyển số tiền 130.000.000 đồng để đặt cọc nhà số E, đường N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 26/5/2022, chuyển số tiền 170.000.000 đồng để mua máy lạnh, tủ lạnh, giường.
- Ngày 28/5/2022, chuyển số tiền 70.000.000 đồng để mua đồ dùng nội thất.
- Trong thời gian từ ngày 30/5/2022 đến ngày 07/6/2022, chuyển số tiền 150.000.000 đồng để mua bổ sung đồ dùng cho 23 phòng trọ.
- Ngày 24/6/2022, chuyển số tiền 80.000.000 đồng để bổ sung tiền cọc nhà số B đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 15/9/2022 và ngày 20/9/2022, chuyển số tiền 86.000.000 đồng để mua trang thiết bị nội thất cho nhà trọ số B, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 06/10/2023, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này ông T vay để làm kinh phí đi gom tiền trả tiền lãi.

Tổng cộng ông C đã chuyển cho ông T số tiền là 689.000.000 đồng. Vào ngày 08/02/2023, ông C có gặp ông T tại nhà ông T để bàn bạc và thống nhất số tiền đầu tư của ông C còn lại là 689.000.000 đồng, cộng với tiền lãi thành số tiền là 700.000.000 đồng, ông T và ông C thỏa thuận thống nhất chuyển số tiền này thành tiền vay, mỗi tháng ông T trả cho ông C tiền lãi với lãi suất là 2%/tháng, ông T viết giấy ghi nhận nội dung thỏa thuận và ký tên. Hai bên thống nhất thỏa thuận là 03 tháng sau, ông T sang nhượng 02 nhà nêu trên và hoàn vốn cho ông C (làm giấy cam kết và điện thoại nhắn tin).

Tháng 6 năm 2023, ông T đã sang nhượng 02 nhà nêu trên, nhưng đến nay, sau nhiều lần điện thoại nhắc nhở nhưng ông T cố tình không gặp ông C để giải quyết số tiền trên cho ông C.

Nay ông C yêu cầu ông Trần Thành T trả cho ông C số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, với mức lãi suất là 2%/tháng với số tiền là 112.000.000 đồng, trừ đi số tiền ông T đã trả lãi cho ông C từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023 với số tiền là 32.000.000 đồng), yêu cầu tính lãi chậm thi hành án với lãi suất là 10%/năm.

Bị đơn là ông Trần Thành T không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Trần Thành T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn C số tiền vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008539 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Trần Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 35.200.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 19/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nguyên đơn ông Phạm Văn C thống nhất điều chỉnh lãi suất trong hạn từ 2%/tháng xuống 1,66%/tháng (20%/năm) theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Thành T trả số tiền vay 700.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp được các chứng cứ sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng, các giấy nộp tiền vào tài khoản để chứng minh ông C đã chuyển tiền vào tài khoản của ông T và biên nhận thỏa thuận chuyển từ tiền hùn vốn sang tiền vay. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay là 700.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, ông C yêu cầu số tiền lãi 80.000.000 đồng (tiền lãi tính từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023, với mức lãi suất là 02%/tháng, thành tiền là 112.000.000 đồng, trừ đi số tiền ông T đã trả lãi cho ông C từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023 với số tiền là 32.000.000 là chưa đúng. Bởi lẽ: Giữa 02 bên thống nhất số tiền vay là 700.000.000 đồng, thỏa thuận 03 tháng sau từ ngày chốt nợ 08/02/2023, lãi suất là 02%/tháng, lãi suất được trả vào ngày 10 hàng tháng. Như vậy, có thể xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự, khi các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C với mức lãi suất 02%/tháng từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023 là không đúng quy định pháp luật.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

+ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (từ ngày 08/02/2023 đến ngày 08/5/2023) là 03 tháng, ông C yêu cầu lãi suất 02%/tháng (24%/năm) là cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm), nên áp dụng mức lãi suất theo quy định là 20%/năm, tiền lãi là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 03 \text{ tháng} = 35.000.000 \text{ đồng}$.

+ Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay. Lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Nếu tính lãi quá hạn theo quy định pháp luật thì lãi suất quá hạn là 30%/năm. Tuy nhiên, ông C không có yêu cầu tính lãi quá hạn mà chỉ yêu cầu tính lãi 02%/tháng (24%/năm) nên 05 tháng còn lại (từ ngày 09/5/2023 đến ngày 09/10/2023), tiền lãi là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 24\%/năm \times 05 \text{ tháng} = 70.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn là $35.000.000 \text{ đồng} + 70.000.000 \text{ đồng} = 105.000.000 \text{ đồng}$.

Ông C yêu cầu tiền lãi tính từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2023, với mức lãi suất 02%/tháng là 112.000.000 đồng ($700.000.000 \text{ đồng} \times 02\%/tháng \times 08 \text{ tháng}$) cao hơn tiền lãi tính theo quy định pháp luật nên chỉ có cơ sở chấp nhận tiền lãi là 105.000.000 đồng, không chấp nhận tiền lãi ông C yêu cầu là 7.000.000 đồng (= $112.000.000 \text{ đồng} - 105.000.000 \text{ đồng}$)

Từ những căn cứ nêu trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm: Bổ sung căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án và bổ sung trong phần nhận định của Bản án chi tiết cách tính lãi tiền vay, chấp nhận tiền lãi là 105.000.000 đồng, không chấp nhận tiền lãi ông C yêu cầu là 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Trần Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nhưng phần quyết định không căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ bổ sung thêm Điều 463 vào phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An:

[2.1] Xét thấy, nguyên đơn ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Thành T trả số tiền vay là 700.000.000 đồng. Tuy bị đơn ông Trần Thành T vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C cung cấp được các giấy nộp tiền, sao kê tiền gửi khách hàng cùng biên nhận có chữ viết, chữ ký ông Trần Thành T chốt số tiền vay 700.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông Trần Thành T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn C số tiền vay 700.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét thấy, ngày 08/02/2023 hai bên thống nhất số tiền vay là 700.000.000 đồng, thỏa thuận 03 tháng sau từ ngày chốt nợ, lãi suất 2%/tháng, lãi suất trả vào ngày 10 tây hàng tháng. Như vậy, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì ông T đã trả được 32.000.000 đồng tiền lãi. Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

Thấy rằng, lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận là 2%/tháng là vượt quá so với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nên áp dụng mới lãi suất là 20%/năm, do đó số tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận trong trường hợp này là: 700.000.000 đồng x 20%/năm x 3 tháng = 35.000.000 đồng (làm tròn).

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự trong trường hợp là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/tháng (150\% \text{ lãi suất vay theo hợp đồng}) \times 5 \text{ tháng} = 87.500.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng lãi trong hạn và lãi quá hạn trong trường hợp này là $35.000.000 \text{ đồng} + 87.500.000 \text{ đồng} = 122.500.000 \text{ đồng}$. Do đó, mặc dù cấp sơ thẩm tính lãi trong hạn 2%/tháng là chưa đúng quy định nhưng tổng số tiền lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và chấp nhận trong trường hợp này là 112.000.000 vẫn thấp hơn tổng số tiền lãi tối đa pháp luật cho phép là 122.500.000 đồng, vẫn có lợi cho phía bị đơn ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông C đồng ý điều chỉnh lãi suất trong hạn từ 2%/tháng xuống 1,66%/tháng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận. Như vậy, ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông C tiền lãi như sau: Lãi trong hạn: 35.000.000 đồng; lãi quá hạn $700.000.000 \times 2\%/tháng \times 05 \text{ tháng} = 70.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng lãi là 105.000.000 đồng, khấu trừ 32.000.000 đồng tiền lãi đã trả. Ông T còn phải trả tiếp 73.000.000 đồng tiền lãi.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về lãi suất.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Trần Thành T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn C số tiền vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 773.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Kê từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008539 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Trần Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 34.920.000 đồng (ba mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Nhân